|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GD&ĐT TP HỒ CHÍ MINH** **TRƯỜNG THCS VÀ THPT LẠC HỒNG** | **KIỂM TRA HỌC KÌ 1****NĂM HỌC 2022-2023****VẬT LÝ 11***Thời gian làm bài: 45 phút (Không kể thời gian giao đề)**--------------------------* |

**Họ, tên thí sinh:…………………………………………………………………………**

**Số báo danh:....................................................................................................................**

 **Mã Đề: 001.**

**Câu 1.** Cho mạch có 3 điện trở mắc nối tiếp lần lượt là 2 Ω, 3 Ω và 4Ω với nguồn điện 10 V, điện trở trong 1 Ω. Hiệu điện thế 2 đầu nguồn điện là

 **A.** 1 V.  **B.** 8 V.  **C.** 10 V.  **D.** 9 V.

**Câu 2.** Nhiệt lượng tỏa ra trong 2 phút khi một dòng điện 2A chạy qua một điện trở thuần 100 Ω là

 **A.** 24 J.  **B.** 24000 kJ.  **C.** 48 kJ.  **D.** 400 J.

**Câu 3.** Trong một mạch kín mà điện trở ngoài là 10 Ω, điện trở trong là 1 Ω có dòng điện là 2 A. Hiệu điện thế 2 đầu nguồn và suất điện động của nguồn là

 **A.** 10 V và 12 V.  **B.** 20 V và 22 V.

 **C.** 2,5 V và 0,5 V.  **D.** 10 V và 2 V.

**Câu 4.** Quan hệ giữa cường độ điện trường E và hiệu điện thế U giữa hai điểm mà hình chiếu đường nối hai điểm đó lên đường sức là d thì cho bởi biểu thức

 **A.** U = q.E/q.  **B.** U =q.D/E.

 **C.** U = E/d.  **D.** U = E.d.

**Câu 5.** Một mạch điện có 2 điện trở 3 Ω và 6 Ω mắc song song được nối với một nguồn điện có điện trở trong 1 Ω. Hiệu suất của nguồn điện là

 **A.** 10%  **B.** 90%.  **C.** 66,7%.  **D.** 16%.

**Câu 6.** . Người ta làm nóng 1 kg nước thêm 10C bằng cách cho dòng điện 1 A đi qua một điện trở 7 Ω. Biết nhiệt dung riêng của nước là 4200 J/kg.K. Thời gian cần thiết là

 **A.** 600 phút.  **B.** 10 s.  **C.** 1 h.  **D.** 10 phút.

**Câu 7.** Điện phân dương cực tan một muối trong một bình điện phân có cực âm ban đầu nặng 20 gam. Sau 1 h đầu hiệu điện thế giữa 2 cực là 10 V thì cực âm nặng 25 gam. Sau 2 h tiếp theo hiệu điện thế giữa 2 cực là 20 V thì khối lượng của cực âm là

 **A.** 40 gam.  **B.** 35 gam.  **C.** 45 gam.  **D.** 30 gam.

**Câu 8.** Dòng điện trong kim loại là dòng chuyển dời có hướng của

 **A.** các nguyên tử.  **B.** các ion dương.

 **C.** các ion âm.  **D.** các electron.

**Câu 9.** Để tụ tích một điện lượng 10 nC thì đặt vào hai đầu tụ một hiệu điện thế 2V. Để tụ đó tích được điện lượng 2,5 nC thì phải đặt vào hai đầu tụ một hiệu điện thế

 **A.** 5V.  **B.** 20 V.  **C.** 0,05 V.  **D.** 500 mV.

**Câu 10.** Ở 200C điện trở suất của bạc là 1,62.10-8 Ω.m. Biết hệ số nhiệt điện trở của bạc là 4,1.10-3 K-1. Ở 330 K thì điện trở suất của bạc là

 **A.** 3,679.10-8 Ω.m.  **B.** 3,812.10-8 Ω.m.

 **C.** 4,151.10-8 Ω.m.  **D.** 1,866.10-8 Ω.m.

**Câu 11.** Công của lực điện trường dịch chuyển một điện tích - 2μC ngược chiều một đường sức trong một điện trường đều 1000 V/m trên quãng đường dài 1 m là

 **A.** – 2000 J.  **B.** 2 mJ.  **C.** – 2 mJ.  **D.** 2000 J.

**Câu 12.** Tích điện cho tụ điện, ta phải

 **A.** cọ xát các bản tụ với nhau.  **B.** đặt tụ gần nguồn điện.

 **C.** đặt tụ gần vật nhiễm điện.  **D.** mắc vào hai đầu tụ một hiệu điện thế.

**Câu 13.** Trong các nhận định dưới đây, nhận định không đúng về dòng điện là:

 **A.** Cường độ dòng điện được đo bằng ampe kế.

 **B.** Dòng điện không đổi là dòng điện có chiều không thay đổi theo thời gian.

 **C.** Đơn vị của cường độ dòng điện là A.

 **D.** Cường độ dòng điện càng lớn thì trong một đơn vị thời gian điện lượng chuyển qua tiết diện thẳng của vật dẫn càng nhiều.

**Câu 14.** Khi điện phân dung dịch AgNO3 với cực dương là Ag biết khối lượng mol của bạc là 108, hóa trị của Ag là 1. Cường độ dòng điện chạy qua bình điện phân để trong 1 h để có 29 gam Ag bám ở cực âm là

 **A.** 25912A  **B.** 72,0A  **C.** 7,2A  **D.** 431,9A

**Câu 15.** Điện tích điểm là

 **A.** vật chứa rất ít điện tích.  **B.** vật có kích thước rất nhỏ.

 **C.** điểm phát ra điện tích.  **D.** điện tích coi như tập trung tại một điểm.

**Câu 16.** Ghép nối tiếp một bộ 3 pin giống nhau loại 9 V – 1 Ω thì thu được bộ nguồn có suất điện động và điện trở trong là

 **A.** 27 V – 1/3 Ω.  **B.** 9 V – 3 Ω.

 **C.** 9 V – 1/3 Ω.  **D.** 27 V – 3 Ω.

**Câu 17.** Hiệu suất của nguồn điện được xác định bằng

 **A.** tỉ số giữa công toàn phần và công có ích sinh ra ở mạch ngoài.

 **B.** công của dòng điện ở mạch ngoài.

 **C.** nhiệt lượng tỏa ra trên toàn mạch.

 **D.** tỉ số giữa công có ích và công toàn phần của dòng điện trên mạch.

**Câu 18.** Một nguồn điện 9 V, điện trở trong 1 Ω được nối với mạch ngoài có hai điện trở giống nhau mắc nối tiếp thì cường độ dòng điện qua nguồn là 1 A. Nếu 2 điện trở ở mạch ngoài mắc song song thì cường độ dòng điện qua nguồn là

 **A.** 1/3A  **B.** 3A  **C.** 9/4A D.2A

**Câu 19.** Cho một mạch điện có điện trở không đổi. Khi dòng điện trong mạch là 2 A thì công suất tiêu thụ của mạch là 100 W. Khi dòng điện trong mạch là 1 A thì công suất tiêu thụ của mạch là

 **A.** 400 W.  **B.** 200 W.  **C.** 25 W.  **D.** 50 W.

**Câu 20.** Bản chất dòng điện trong chất điện phân là

 **A.** dòng ion dương và dòng ion âm chuyển động có hướng theo hai chiều ngược nhau.

 **B.** dòng ion âm dịch chuyển ngược chiều điện trường.

 **C.** dòng ion dương dịch chuyển theo chiều điện trường.

 **D.** dòng electron dịch chuyển ngược chiều điện trường.

**Câu 21.** Khi ghép n nguồn điện song song, mỗi nguồn có suất điện động E và điện trở trong r thì suất điện động và điện trở trong của bộ nguồn là

 **A.** E và r/n.  **B.** E và nr.

 **C.** nE và r/n.  **D.** nE nà nr.

**Câu 22.** Công của nguồn điện là công của

 **A.** lực điện trường dịch chuyển điện tích ở mạch ngoài.

 **B.** lực cơ học mà dòng điện đó có thể sinh ra.

 **C.** lực dịch chuyển nguồn điện từ vị trí này đến vị trí khác.

 **D.** lực lạ trong nguồn.

**Câu 23.** Kim loại dẫn điện tốt vì

 **A.** Khoảng cách giữa các ion nút mạng trong kim loại rất lớn.

 **B.** Mật độ electron tự do trong kim loại rất lớn.

 **C.** Mật độ các ion tự do lớn.

 **D.** Giá trị điện tích chứa trong mỗi electron tự do của kim loại lớn hơn ở các chất khác.

**Câu 24.** Đơn vị của điện thế là vôn (V). 1V bằng

 **A.** 1 J.C.  **B.** 1 J/C.  **C.** 1 N/C.  **D.** 1. J/N.

**Câu 25.** Một bóng đèn ghi 6 V – 6 W được mắc vào một nguồn điện có điện trở 2 Ω thì sáng bình thường. Suất điện động của nguồn điện là

 **A.** 12 V.  **B.** 36 V.  **C.** 8 V.  **D.** 6 V.

**Câu 26.** Khi điện tích dich chuyển dọc theo một đường sức trong một điện trường đều, nếu quãng đường dịch chuyển tăng 2 lần thì công của lực điện trường

 **A.** tăng 4 lần.  **B.** tăng 2 lần.

 **C.** không đổi.  **D.** giảm 2 lần.

**Câu 27.** Trong các nhận xét sau về công suất điện của một đoạn mạch, nhận xét không đúng là:

 **A.** Công suất tỉ lệ thuận với cường độ dòng điện chạy qua mạch.

 **B.** Công suất tỉ lệ thuận với thời gian dòng điện chạy qua mạch.

 **C.** Công suất tỉ lệ thuận với hiệu điện thế hai đầu mạch.

 **D.** Công suất có đơn vị là oát (W)

**Câu 28.** Điều kiện để 1 vật dẫn điện là

 **A.** vật phải mang điện tích.  **B.** có chứa các điện tích tự do.

 **C.** vật nhất thiết phải làm bằng kim loại.  **D.** vật phải ở nhiệt độ phòng.

**Câu 29.** Hạt tải điện trong kim loại là

 **A.** ion dương.  **B.** ion âm.

 **C.** ion dương và electron tự do.  **D.** electron tự do.

**Câu 30.** Điện trường là

 **A.** môi trường dẫn điện.

 **B.** môi trường không khí quanh điện tích.

 **C.** môi trường chứa các điện tích.

 **D.** môi trường bao quanh điện tích, gắn với điện tích và tác dụng lực điện lên các điện tích khác trong nó.

**----HẾT---**

**MA TRẬN KIỂM TRA HỌC KÌ I MÔN VẬT LÝ 11**

**NĂM HỌC: 2022 – 2023**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG – CHỦ ĐỀ**  | **CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC** | **Tổng** | **Tỉ lệ**  |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |  |  |
| **CHƯƠNG 1** | *4* | *3* | *2* | *1* | *10* | *30,3%* |
| **CHƯƠNG 2** | *4* | *3* | *2* | *1* | *10* | *30,3%* |
| **CHƯƠNG 3** | *4* | *3* | *2* | *1* | *10* | *30,3%* |
| **Tổng số câu** | *12* | *9* | *6* | *3* | *30* |  |
| **Tỉ lệ** | ***40%*** | ***30%*** | ***20%*** | ***10%*** |  | ***100%*** |
| **Tổng điểm** | ***4*** | ***3*** | ***2*** | ***1*** |  | ***10*** |

ĐÁP ÁN

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Mã đề thi** |
| 001 | 002 | 003 | 004 |
| **1** | D | C | D | D |
| **2** | C | C | D | D |
| **3** | B | C | B | B |
| **4** | D | C | C | C |
| **5** | C | D | D | A |
| **6** | D | B | B | A |
| **7** | C | C | A | C |
| **8** | D | C | C | A |
| **9** | D | D | A | D |
| **10** | D | A | C | B |
| **11** | B | C | D | C |
| **12** | D | D | B | D |
| **13** | B | C | C | C |
| **14** | C | C | C | B |
| **15** | D | A | B | B |
| **16** | B | D | B | D |
| **17** | D | B | A | B |
| **18** | B | C | D | B |
| **19** | C | B | A | D |
| **20** | A | A | A | D |
| **21** | A | A | B | C |
| **22** | D | A | B | C |
| **23** | B | C | D | D |
| **24** | B | C | A | B |
| **25** | C | B | A | D |
| **26** | B | A | B | D |
| **27** | B | A | D | A |
| **28** | B | D | A | B |
| **29** | D | B | A | D |
| **30** | D | B | D | B |